

VỐN XÃ HỘI TRONG ĐÔ THỊ: MỘT NGHIÊN CỨU NHÂN HỌC VỀ HÀNH ĐỘNG TẬP THỂ Ở MỘT DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TẠI HÀ NỘI*

NGUYỄN VŨ HOÀNG

Đô thị hóa, theo Terry McGee, là sự phát triển hoặc giảm sút về mật độ dân số ở các khu vực được xác định là đô thị, sự gia tăng về ngành nghề phi nông nghiệp, sự mở rộng và tăng cường của môi trường và cuộc sống thành thị (McGee, 1995, tr. 255). Ở Việt Nam, quá trình đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng trên nhiều phương diện và ở hầu khắp các địa phương. Đi kèm theo đô thị hóa là rất nhiều khó khăn trong việc quy hoạch, thi công và nhất là trong quan hệ giữa Nhà nước và người dân trong khu vực nằm trong quy hoạch. Nhân học nói chung và nhân học đô thị nói riêng ở Việt Nam cần đáp ứng hiện thực này như thế nào? Nghiên cứu phong trào tại đô thị là một trong những nhiệm vụ mà giáo sư Mạc Đường đã chỉ ra cho phân ngành nhân học đô thị (Mạc Đường, 2002, tr. 112-113). Trong bài viết này, thông qua một trường hợp nghiên cứu về việc triển khai quy hoạch ở một địa bàn trong quận Thanh Xuân, Hà Nội, chúng tôi muốn sử dụng tiếp cận nhân học, đặc biệt là phương pháp khảo tả dân tộc học, nhằm nêu bật sự mạnh mẽ trong đấu tranh chống tham nhũng của người dân trên địa bàn có quy hoạch. Sử dụng lý thuyết vốn xã hội và hành động tập thể trong phân tích, chúng tôi muốn chỉ ra sự tồn tại của quan hệ xóm giềng trong môi trường đô thị và sức mạnh của mối quan hệ này trong hành động vì mục đích chung của nhóm.

Hà Nội là một trong những trung tâm thu hút nhiều dự án phát triển đô thị nhất trong cả nước. Để mở rộng thành phố, Nhà nước đã thực hiện các chính sách và dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng ở cấp độ và quy mô lớn. Điều này đã đem lại những thay đổi mạnh mẽ đối với đời sống của cư dân ven đô. Sự gia tăng các luồng di cư từ các địa phương khác về Hà Nội làm cho Thủ đô Hà Nội không thể duy trì được sự cân bằng vốn được thiết lập từ thời Pháp thuộc. Một cách tự phát, những ngôi nhà, khu dân cư mới mọc lên. Sự gia tăng dân số với quy mô lớn đã dẫn đến vấn nạn thất nghiệp, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường... Để giải quyết những vấn đề này, Nhà nước không chỉ mở rộng địa giới hành chính mà còn nâng cấp cơ sở hạ tầng như xây dựng nhiều khu chung cư mới, cầu vượt ở một số ngã tư có mật độ giao thông lớn và xây dựng các tuyến đường vành đai của thành phố. Sau khi hoàn thành, các công trình này sẽ tham gia vào giải quyết ùn tắc giao thông và đem lại một không khí mới cho thành phố. Tuy nhiên, không phải mọi người dân đều hưởng lợi từ những dự án này và ngay cả những người sống trong cùng một khu vực cũng có những nhìn nhận khác nhau về tính tích cực và tiêu cực của dự án.

Quận Thanh Xuân là một quận mới của thành phố, được ra đời theo Quyết định số 75/CP ngày 22 tháng 11 năm 1996 của

* Tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc những người bạn ở quận Thanh Xuân đã tạo điều kiện để tôi hoàn thành nghiên cứu này. Xin chân thành cảm ơn GS. Oscar Salemink, Đại học tổng hợp Vrije Amsterdam, đã hướng dẫn nhiệt tình trong quá trình xây dựng và phát triển nghiên cứu. Xin cảm ơn Ban Giám đốc và các đồng nghiệp tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đã tạo điều kiện cho tôi tiến hành chuyến điền dã hiệu quả. Xin cảm ơn GS. Lương Văn Hy, TS. Lưu Hùng và TS. Trương Huyền Chi đã góp ý trong quá trình biên tập bản thảo bài viết.

Chính phủ. Từ năm 2001, UBND thành phố Hà Nội bắt đầu tiến hành xây dựng tuyến đường vành đai 3 của thành phố trên địa bàn quận. Để triển khai dự án, một số lượng dân khá lớn buộc phải di dời đến các khu nhà tái định cư. Họ được nhận một khoản tiền đền bù theo diện tích và giấy tờ nhà đất hợp pháp. Mặc dù các hộ dân đều nhất trí với việc xây dựng đường vành đai 3, nhưng nhiều người không đồng ý với cách thức triển khai dự án. Bằng nhiều cách khác nhau, họ đã lên tiếng phản ứng lại hành động của những người thi hành chính sách, làm cho dự án xây dựng tuyến đường vành đai 3 bị đình trệ nhiều năm nay.

Không nhầm mục đích phân định đúng sai giữa cơ quan thi hành dự án và người dân địa phương, nghiên cứu này với tư cách một khảo tả nhân học văn hóa - xã hội đặt mục tiêu tìm ra những dị biệt và thích ứng theo hoàn cảnh địa phương của hai khung lý thuyết về vốn xã hội và hành động tập thể.

1. Vốn xã hội và Hành động tập thể

1.1. Vốn xã hội

Có nhiều cách định nghĩa khái niệm *vốn xã hội*. Theo Robert Putnam (2001), cốt lõi của khái niệm này là một giá trị ẩn chứa trong “các mạng lưới và một tập hợp các chuẩn tắc”. Những “điều gì” có lợi cho thành viên nằm ngay trong chính những mạng lưới đó (Putnam, 2001, tr. 41). Vốn xã hội có thể được hiểu là một nguồn lực bao gồm các quan hệ xã hội, các quy tắc và giá trị đi liền với chúng, và từ đó các thành viên của mạng lưới này được hưởng lợi.

Nan Lin (1999) và J. Coleman (1998) cho rằng thông qua vốn xã hội, các cá nhân có được khả năng tiếp cận và sử dụng nguồn

tài nguyên tiềm tàng trong mạng lưới xã hội. Do đó, vốn xã hội trước tiên là vốn từ việc đầu tư tham gia vào một mạng lưới xã hội. Nói một cách khác, các mạng lưới xã hội chính là dạng vật thể của khái niệm *vốn xã hội*. Các mạng lưới xã hội được hình thành là bởi vốn xã hội cho phép các cá nhân liên kết với nhau để bảo vệ các mục đích của mình và tổ chức lại để củng cố những nhu cầu tập thể (Fukuyama, 2002, tr. 26). Tuy nhiên, vốn xã hội không phải sẵn có, mà phải được thiết lập thông qua các tương tác xã hội. Khi các cá nhân thực hiện những thói quen giống nhau, chia sẻ các trải nghiệm hoặc cùng chịu đựng những nỗi thống khổ xuất phát từ một nguyên do nào đó, chính là lúc một mạng lưới được hình thành liên kết họ với nhau.

Vốn xã hội, theo Alejandro Portes, phải “được xây dựng thông qua việc đầu tư có chiến thuật hướng vào việc thể chế hóa các quan hệ trong nhóm, vốn xã hội cũng có thể được sử dụng như là một nguồn tin cậy cho những lợi ích khác” (Portes, 1998, tr. 3). Để có thể sở hữu vốn xã hội, “một cá nhân phải liên kết được với những người khác, và chính những người đó, chứ không phải bản thân, là nguồn thực sự cho những lợi ích của mình” (Portes, 1998, tr. 7). Vốn xã hội chính là việc thông qua quan hệ với những người khác, một cá nhân có được khả năng tiếp cận những nguồn tài nguyên không thể có bên ngoài mạng lưới này. Trọng tâm của bài viết này nhằm tìm kiếm những cách thức mà các cá nhân đầu tư vào mạng lưới và kích hoạt khả năng của người khác để phục vụ lợi ích của mình. Hơn thế nữa, trong bối cảnh thành phố Hà Nội, nghiên cứu này cũng nhằm tìm hiểu con đường hình thành những quan hệ

của cư dân đô thị. Bối cảnh đô thị chứa đựng các mạng lưới xã hội khác nhau như họ hàng, bạn đồng niên, quan hệ làm ăn buôn bán và nhiều loại quan hệ khác. Tuy nhiên, trong bối cảnh trường hợp nghiên cứu này, những quan hệ hàng xóm láng giềng và quan hệ trong công việc được chú ý nhấn mạnh để chứng minh cho các luận điểm.

Sự vận hành của vốn xã hội

Ý niệm về vốn xã hội được dựa trên nền tảng giả thuyết cho rằng mỗi một đầu tư vào các quan hệ xã hội đều có sự mong đợi được hoàn trả. Nan Lin đưa ra một định nghĩa sâu sắc hơn, ông cho rằng “vốn xã hội như là sự đầu tư vào quan hệ xã hội bởi các cá nhân mà thông qua đó họ tiếp cận được những nguồn tài nguyên tiềm tàng trong mạng lưới nhằm gia tăng sự đền đáp mà họ mong đợi từ việc đầu tư vào mạng lưới” (Lin, 1999, tr. 39). Nan Lin đã cung cấp một mô hình gồm ba quá trình của vốn xã hội: đầu tiên, các cá nhân đầu tư để có vốn xã hội; tiếp đến, họ có khả năng sử dụng tài nguyên và vận hành vốn xã hội; và ở giai đoạn cuối cùng, các cá nhân sử dụng nguồn tài nguyên có trong mạng lưới để thu nhận những lợi ích từ vốn xã hội mà họ đã đầu tư. Ba giai đoạn trên liên tiếp được quay vòng lặp lại sự đầu tư và trông đợi. Hơn thế nữa, khi cá nhân đã trở thành một thành viên trong mạng lưới xã hội, chính họ cũng trở thành một nguồn tài nguyên mà những thành viên khác trong mạng lưới xã hội có thể tiếp cận và trông đợi các lợi ích (Nguyễn Vũ Hoàng, 2007).

Để phân tích hiệu quả vốn xã hội, một điều cần thiết là xác định các dạng của vốn xã hội. James Coleman đã đưa ra ba dạng của vốn xã hội: nghĩa vụ và sự trông đợi, các

kênh thông tin, và các quy tắc xã hội. Trong dạng đầu tiên, mọi người luôn hành động để phục vụ lẫn nhau. Tuy nhiên, dạng này của vốn xã hội phụ thuộc vào hai yếu tố: “niềm tin vào môi trường xã hội rằng việc họ làm theo nghĩa vụ sẽ được đền đáp; và quy mô thực tế của những nghĩa vụ đã thực hiện” (Coleman, 1988, tr. S103). Theo Coleman, nếu không có sự tin cậy ở mức cao độ giữa những thành viên trong nhóm thì các thể chế này đã không thể tồn tại. Hơn nữa, ông cho rằng “các cá nhân nằm trong những cấu trúc xã hội có nhiều nghĩa vụ còn chưa được hoàn trả thì còn có nhiều vốn xã hội hơn nữa” (Coleman, đã dẫn, tr. S103). Điều này thể hiện rằng nếu những nghĩa vụ chưa hoàn trả càng nhiều thì vốn xã hội của những người chưa huy động trong mạng lưới này càng hữu ích và hiệu quả khi họ cần đến.

Dạng thứ hai của vốn xã hội là tiềm năng về thông tin gắn với các quan hệ xã hội. Một cá nhân có thể sử dụng mạng lưới xã hội của mình để lấy được thông tin cần quan tâm. Trong bài viết này, chúng ta sẽ xem xét làm thế nào các vốn xã hội dạng này cung cấp thông tin để hỗ trợ những người dân ở quận Thanh Xuân. Dạng thứ ba của vốn xã hội là “các quy tắc và tác dụng có hiệu quả” (Coleman, 1988, tr. S104-S105). Khi một quy tắc tồn tại và có hiệu lực, nó tạo nên một dạng vốn xã hội mạnh mẽ. Trong câu chuyện của một số người dân ở quận Thanh Xuân trình bày dưới đây, quy tắc xã hội tạo nên một phần quan trọng của vốn xã hội trong một tập thể là một quy tắc khiến cho một cá nhân bỏ qua những lợi ích riêng và hành động vì lợi ích của tập thể. Dạng vốn xã hội này không chỉ hỗ trợ cho một hành động mà còn ngăn cản các hành động khác không có lợi cho tập thể.

1.2. Hành động tập thể

Khái niệm hành động tập thể chỉ “những nỗ lực của hai hoặc nhiều hơn các cá nhân cùng hợp sức làm một việc theo nhu cầu chung” (Sandler, 1992, tr. 1). S. Tarrow lại quan niệm hành động tập thể như “hình thức mà các cá nhân và các nhóm quyết tâm tham gia vào hành động mang tính tập thể để chống lại một hoặc nhiều nhóm hoặc cá nhân khác để giành được mục đích của tập thể đó” (Tarrow, 1988). Trong quan niệm này, Tarrow đã đưa vào hành động tập thể các đối tượng là cá nhân, các nhóm không chính thức và các tổ chức hành chính.

Ở phương Tây, các học giả phân biệt phong trào xã hội trước và sau những năm 1970. Điểm phân biệt lớn nhất là các phong trào xã hội những năm sau này tập trung vào nhu cầu hòa bình, năng lượng nguyên tử, quyền tự trị và nữ quyền (Polletta và Jasper, 2001, tr. 286). Các tác giả này giải thích lý do cho sự chuyển biến này là do các nước phương Tây đã “được hưởng hầu hết các quyền cơ bản của công dân, bao gồm cả quyền được hành động hợp pháp và gây sức ép cho các nhà chính trị” (Polletta và Jasper, 2001, tr. 287). Khác với hoàn cảnh ở phương Tây, bài viết này nhằm mô tả và phân tích các quyền được hành động hợp pháp của người dân Việt Nam, một nước xã hội chủ nghĩa.

Mặc dù có những lợi ích tập thể, bản thân một hành động tập thể không phải là một thực thể đồng nhất, trong đó bao gồm những cá nhân khác biệt, những mạng lưới nhỏ và các ý tưởng đa dạng. Điều này gây khó khăn cho chính các thành viên của tập thể trong việc cùng nhau đánh giá và phân tích những khó khăn chung. Hơn nữa, hành động tập thể cần phải biến thành hiện thực,

những ý tưởng hành động chung không thể tự nảy sinh từ chính nó. Như Barker cùng cộng sự nhận xét: “một người nào đó phải đề xuất lên nó (các ý tưởng)” (Barker và cộng sự, 2001). Do đó, vấn đề vai trò lãnh đạo cần được đặt ra.

D. Porta và M. Diani (2006) cho rằng “vai trò lãnh đạo có thể liên quan tới khả năng của nhà hành động để xúc tiến công việc liên hiệp giữa các tổ chức hành động, hoặc để tạo ra sự kết nối với phương tiện thông tin đại chúng và các chính thể chính trị, những thứ có thể tạo ra những người đại diện thực tế cho hành động tập thể” (Porta và Diani, 2006, tr. 143).

Xem xét một số vận động xã hội đương đại, một số học giả như Kely Moore (1995) và Edward Walsh (1988) tranh luận rằng “sự trỗi dậy của phương tiện thông tin mới và của công nghệ kỹ thuật đã khiến cho các cuộc phản kháng có tổ chức phụ thuộc vào khả năng phân tích vấn đề và giành được sự tin nhiệm từ công chúng của các nhà lãnh đạo” (Walsh, trích trong Porta và Diani, 2006, tr. 143). Như là kết quả của hoạt động đa dạng, vai trò lãnh đạo thông thường chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, liên quan đến một số đối tượng cụ thể, và được tập hợp ở một khu vực có giới hạn của nơi xảy ra hành động tập thể (Porta và Diani, 2006, tr. 143). Do đó, những nhà lãnh đạo luôn phải tự hỏi rằng: “Việc gì cần được làm lúc này?” Từ đây dẫn đến một thực tế là các vấn đề mà nhà lãnh đạo đối mặt luôn thay đổi, phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể. Nói cách khác, những chiến lược và những phương thức mới luôn phải được đưa ra và thực hiện. Barker cho rằng những người lãnh đạo thường chịu sự thách thức từ chính bên

trong họ. Khi một phong trào tập thể chấp nhận một vai trò lãnh đạo mới, đó chính là lúc nó thể hiện sự chưa thỏa mãn đối với hoàn cảnh hiện tại và cần triển khai lực lượng cho những hoạt động cụ thể cần thiết, và cũng để chuyển đổi bản chất và hành động của phong trào đó (Barker và cộng sự, 2001, tr. 16).

Phương tiện thông tin đại chúng trong xã hội một đảng thường được coi như một trong những phương tiện để củng cố vai trò của nhà nước đối với công dân. Phương tiện thông tin đại chúng ở Việt Nam, theo Russell Heng, không chỉ là một mô hình “của” nhà nước và “cho” nhà nước, nó còn là để “đáp lại” nhà nước (Heng, 2004, tr. 154). Nghiên cứu của Heng chỉ ra rằng phương tiện thông tin đại chúng ở Việt Nam đang từng bước được sử dụng như một công cụ thể hiện mong muốn hợp pháp của người dân. Vấn đề này sẽ được phân tích kỹ hơn trong phần sau của bài viết.

Để thực hiện nghiên cứu này, tôi đã tiến hành điền dã trong thời gian 3 tháng liên tục tại địa bàn¹. Bên cạnh việc phỏng vấn sâu nhiều người cấp tin về cuộc đời và diễn tiến của sự kiện, tôi cũng sử dụng triệt để phương pháp quan sát tham dự nhằm thu thập những tư liệu điền dã vô cùng quý giá. Những tuần đầu tiên của chuyến điền dã diễn ra rất khó khăn vì tôi chưa được cộng đồng tin cậy. Sau khi thuê nhà để ăn ngủ tại địa bàn và xuất hiện với tần suất cao mà không gây hại cho hoạt động của phong trào thì tôi dần được người dân tiếp chuyện và ngày một trở nên thân mật. Tôi cho rằng

không thể có những ghi chép quan sát quý giá nếu không được tham dự cùng họ trong những cuộc họp nhóm, họp tổ dân phố và với cơ quan quản lý địa phương khi chưa có được niềm tin từ người dân. Điều này giúp tôi hiểu được hoàn cảnh của sự kiện và những ý kiến, quan niệm của chính những người dân trong cuộc. Bên cạnh đó, nguồn thông tin trên báo chí, truyền hình và internet cũng bổ sung rất hữu hiệu cho nguồn tư liệu điền dã của tôi.

2. Cuộc sống phố phường và sự xuất hiện của Vành đai 3

Quận Thanh Xuân có diện tích 913 ha và dân số 154.600 người (SRV, 1996). Trong số 11 phường của quận, phường Thanh Xuân Trung là địa bàn nghiên cứu của tôi, có diện tích 106,2 ha và 11.036 nhân khẩu. Phường được chia thành 65 tổ dân phố và tôi trực tiếp nghiên cứu tại 3 tổ dân phố trong một ngõ² trên đoạn đường Nguyễn Trãi giao cắt với phố Khuất Duy Tiến. Theo những người dân sống khá lâu ở đây, 20 năm trước, đây là bãi đỗ xe của một doanh nghiệp Nhà nước. Khi doanh nghiệp này bị giải thể, những công nhân của doanh nghiệp đã tiếp tục ở lại khu vực này và hình thành một khu dân cư như hiện nay.

2.1. Trước khi Dự án tới

Trong những năm 1980, toàn bộ khu ngõ Thanh Xuân là nơi một số công nhân nhà máy sinh sống. Đến nay, trong ngõ đã trở thành nơi sinh hoạt của hơn 300 hộ dân. Số công nhân trước kia chỉ còn lại rất ít, phần nhiều đã bán chỗ ở và chuyển đi nơi khác. Do vậy ngõ Thanh Xuân trở thành nơi hội tụ nhiều thành phần dân cư, từ công

¹ Chuyến điền dã được tiến hành trong khuôn khổ chương trình đào tạo thạc sỹ ngành nhân học văn hóa – xã hội của Đại học tổng hợp Vrije Amsterdam.

² Trong bài viết này tôi đặt tên là Ngõ Thanh Xuân.

nhân, thợ làm nhôm kính cho đến sỹ quan công an, quân đội và cả giáo viên, cán bộ công chức... Với thành phần xã hội đa dạng như vậy, một điều dễ nhận thấy là dường như có sự khép kín trong quan hệ giữa các hộ dân. Cùng sống trong một ngõ, nhưng nhà nào chỉ biết nhà nấy, kín cổng cao tường và hầu như chỉ chào hỏi khi gặp những người hàng xóm gần. Điều này một phần là do công việc của các gia đình khác nhau và khu vực trong ngõ không phải là nơi thích hợp để làm ăn buôn bán. Vì vậy, phần đông các cá nhân và hộ gia đình tùy điều kiện, hoàn cảnh mà làm việc, công tác ở những nơi khác. Họ chỉ nhìn thấy nhau sau giờ đi làm về và người nào lo việc nhà ấy.

Nhìn từ bên ngoài, một số nhà nhân học có thể cho rằng đó là biểu hiện thường thấy của quan hệ xã hội xa lạ vô danh trong môi trường đô thị. Quan điểm này đã được trình bày qua các nghiên cứu của Louis Wirth về xã hội đô thị khi ông cho rằng: “Các quan hệ ở thành phố có thể mặt đối mặt trên thực tế nhưng vẫn mang tính phi cá nhân, hời hợt, và phân rẽ” (Wirth, 1975, tr. 35). Quan điểm này đã bị nghiên cứu của một số nhà nhân học khác như Oscar Lewis (1975) và Lea Jelinek (1990) phê phán khi họ tìm ra những mối liên hệ và quan hệ xã hội chặt chẽ, gắn bó trong xã hội đô thị (xem bài điểm luận về nhân học đô thị, Nguyễn Vũ Hoàng, 2008). Ở đây, tôi muốn chỉ ra rằng các quan hệ tại ngõ *Thanh Xuân* cũng thể hiện rõ những đặc trưng này của xã hội đô thị. Không bác bỏ hoàn toàn quan điểm của Wirth, tôi cho rằng trong điều kiện bình thường, các quan hệ xã hội có thể được thể hiện một cách mờ nhạt. Tuy nhiên, khi xuất hiện sự kiện đặc biệt trong cộng đồng, các

mối dây sẽ được kích hoạt, củng cố, dần dần trở nên khăng khít hơn và cuối cùng có thể trở thành một khối thống nhất vững chắc.

Tương tự như tổ chức hành chính các địa phương khác, khu vực này được phân chia làm 3 tổ dân phố với sự hiện diện của các tổ trưởng cùng với các bí thư chi bộ Đảng. Thông thường, chi bộ và tổ dân phố chỉ có vai trò trong quản lý hành chính và phục vụ hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước cấp phường.

2.2. Dự án đã đến tận đầu ngõ

Dự án đã có quá trình nghiên cứu nhiều năm trước khi chính thức được triển khai theo Quyết định 597/QĐ-TTg/2001 của Thủ tướng Chính phủ năm 2001 (SRV, 2001a). Dự án hướng tới việc xây dựng một con đường Vành đai 3 của Hà Nội, sẽ mở rộng đường Khuất Duy Tiến và ngã tư Thanh Xuân. Theo quy hoạch, đoạn đường vành đai qua quận Thanh Xuân sẽ dài 2.075m và rộng 68m. Được sự cho phép của UBND thành phố Hà Nội, UBND quận Thanh Xuân ban hành quyết định thành lập “Hội đồng đền bù và giải phóng mặt bằng”³ để thực hiện Dự án (SRV, 2001b).

Để mở rộng con đường vành đai và xây dựng ngã tư Thanh Xuân, Dự án cần phải giải tỏa các ngôi nhà nằm trong diện tích sẽ làm đường. Tất cả các hộ dân thuộc 3 tổ dân phố trong ngõ sẽ phải di dời vì nhà của họ nằm trong khu vực mở rộng của ngã tư Thanh Xuân. Những người bán hàng lo ngại sẽ không thể tiếp tục kiếm sống từ

³ Sau này đã đổi tên thành “Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư” theo Quyết định số 640/QĐ-UBND quận Thanh Xuân ngày 05 tháng 4 năm 2006 về việc “Kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”.

những cửa hàng nhỏ của mình. Một số người khác lại sợ sẽ bị lâm vào hoàn cảnh khó khăn nếu như chỉ nhận được một số tiền đền bù thấp và còn lo lắng hơn khi họ sẽ mất nhà cửa mà họ đã dành dụm cả đời mới mua và xây dựng được. Trước thúc bách đó, người dân trong ngõ bắt đầu lo nghĩ về tương lai và thậm chí đã bắt đầu nghĩ đến những phản ứng đối với việc thực thi dự án.

2.3. Những chuyển biến sau khi dự án được thi hành

Trong lần đầu tiên thăm dò nơi thực địa, tôi chợt thấy một đám đông có vẻ đang tranh cãi việc gì đó, tôi đến gần và nhận ra rằng một số người đang tranh luận với một vài cán bộ về phương án đền bù đất đai. Có lẽ tất cả họ đều biết nhau cho nên sự có mặt của tôi trở nên lạc lõng, một số người nhìn sang tôi một chút rồi lại tiếp tục tranh cãi. Một chị, sau này tôi biết là người chủ của ngôi nhà lúc đó được bàn luận, quả quyết: *“Tôi không vi phạm luật đất đai, tôi phải được đền bù đầy đủ theo giá của ngôi nhà này!”* và chị từ chối ký vào bất cứ văn bản nào do cán bộ đưa ra. Sau một thời gian đôi co, các cán bộ đành ra về. Một chị đứng cạnh tôi nói: *“Thế đấy, họ luôn cư xử như vậy, chẳng coi dân ra gì cả!”*. Nhân cơ hội này, tôi bắt chuyện với chị và giới thiệu về việc nghiên cứu đô thị của mình. Chị, tự giới thiệu tên là Nga, tỏ thái độ nhiệt tình và mời tôi vào nhà nói chuyện⁴. Từ đó, chị Nga trở thành một trong những thông tin viên của tôi về việc thi hành Dự án.

Cuối tháng 8 năm 2002, hơn một năm sau khi Dự án được khởi công, UBND quận

Thanh Xuân đã mời các hộ gia đình có nhà, đất nằm trong diện tích giải phóng mặt bằng đến để phổ biến thông tin về Dự án. Trong cuộc gặp mặt, mỗi hộ gia đình được phát một bộ hồ sơ bao gồm một bản đồ quy hoạch và các quyết định liên quan đến việc đền bù và giải phóng mặt bằng. Những người tham gia cuộc họp đã sừng sốt trước tầm bản đồ quy hoạch được phát. Một số người phản đối và cho rằng bản đồ này đã vẽ ngã tư lệch, sai so với bản đồ quy hoạch mà họ đã được xem ở một triển lãm quy hoạch Hà Nội. Họ khẳng định rằng quy hoạch trên bản đồ được bày ở triển lãm không nhằm vào phần đất mà họ đang sinh sống như trên bản đồ được phát. Do đó, các hộ dân này nhất quyết không chấp nhận tính hợp pháp của bản đồ quy hoạch này. Ngay sau khi cuộc họp kết thúc, một số hộ dân gửi đơn thư khiếu nại lên các cơ quan có thẩm quyền ở cấp quận và thành phố, họ cố gắng chỉ ra sự khác biệt giữa bản đồ ở Triển lãm về quy hoạch đô thị Hà Nội và bản đồ được UBND quận Thanh Xuân cấp.

Không chính thức, nhưng có vẻ như một sự đáp lại các lá đơn, công văn số 401 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và UBND thành phố Hà Nội đề nghị công ty tư vấn thiết kế TEDI thiết kế lại cho cân đối nút ngã tư. Cho đến tháng 6 năm 2006, không có một hoạt động nào được tiến hành trong khu vực. Tuy nhiên, Dự án vẫn được tiếp tục triển khai ở phố Khuất Duy Tiến với một tốc độ cao. Chúng kiến những khó khăn khi nhiều gia đình trên phố phải di dời, các hộ dân trong ngõ có cảm giác lo ngại họ sẽ sớm bị cưỡng chế như các hộ dân kia.

Hơn nữa, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của quận Thanh Xuân đã ra

⁴ Tất cả tên người trong bài viết này đã được thay đổi để bảo vệ danh tính cho thông tin viên theo nguyên tắc đạo đức nhân học.

thông báo số 156/TB-GPMB ngày 26 tháng 5 năm 2006 về việc tiếp tục triển khai Dự án và việc di dời các hộ dân. Trước tình cảnh đó, các hộ dân trong ngõ tiếp tục gửi những lá đơn, thư *kêu cứu* tới nhiều cơ quan nhà nước có liên quan. Tuy nhiên, hầu như họ không nhận được câu trả lời trực tiếp nào, mà cơ quan này lại đùn đẩy trách nhiệm cho cơ quan khác. Theo chị Nga, “*Dự án tuy được triển khai nhưng lại rất mập mờ về thủ tục, kế hoạch, nên người dân có liên quan như chúng tôi không biết [Dự án] đang ở giai đoạn nào*”. Mỗi khi thỉnh thoảng có người của Dự án xuống đo đạc trong ngõ lại làm dân ngõ càng thêm lo lắng.

Tình cảnh đó khiến nhu cầu chia sẻ thông tin giữa người dân ngày càng tăng lên. Ở đây, chúng ta có thể thấy sự thiết lập và vận hành các kênh thông tin được thực hiện bằng vốn xã hội của các cá nhân. Tài sản “góp vốn” của họ là những thông tin mà mỗi người nắm bắt về các vấn đề liên quan đến các dự án làm đường và giải phóng mặt bằng. Trước tình trạng thiếu hụt thông tin như lúc này, nguồn tin từ mỗi cá nhân trở thành một nguồn lực quý báu giúp cho người dân có một cái nhìn “toàn cảnh” về Dự án. Vậy thì vốn xã hội vận hành ra sao? Làm thế nào để các thông tin này có thể chuyển tải lên một kênh thông tin để mọi người cùng biết và chia sẻ? Trước tiên, nguồn thông tin được xây dựng từ những người hàng xóm sống kề cận, rồi ở các quán cóc đầu đường. Sở dĩ có sự trao đổi này là vì Dự án liên quan đến chính bản thân họ, trực tiếp đến nơi cư trú và có khi là cả sinh kế của từng hộ gia đình. Nếu muốn trở thành một mắt xích trong mạng lưới thông tin để nắm bắt các thông tin về Dự án thì chính họ cũng phải

đầu tư vốn của mình vào mạng lưới đó. Mạng lưới thông tin được xây dựng ban đầu từ những người hàng xóm thân thiết, nhưng nguồn thông tin ngày một mở rộng đến cư dân trong khu vực. Có thể thấy rõ nét mô hình của vốn xã hội do Nan Lin đề xuất ở đây: Những người dân muốn biết thông tin về Dự án nên đã phải đầu tư vốn xã hội của họ vào kênh thông tin. Khi họ chia sẻ thông tin - vốn xã hội - mà mình có vào mạng lưới thì chính bản thân họ đã được tin tưởng và trở thành một thành viên trong mạng lưới này. Do đó, họ sẽ có khả năng tiếp cận, nắm bắt được những thông tin trôi chảy, vận chuyển trong mạng lưới xã hội này, mà một người không đầu tư vào mạng lưới sẽ không thể có được.

Quán nước của bác Mạnh ở đầu ngõ chính là nơi tập hợp và trao đổi thông tin về Dự án. Từ đây, nhiều ý tưởng về việc đấu tranh được phát triển qua những cuộc tranh luận của người dân. Nhiều biện pháp đã được thực hiện như gửi đơn, thư khiếu nại đến các cấp chính quyền và cơ quan chức năng, phản đối và ngăn chặn khi cán bộ dự án đến đo đạc tại địa bàn...

Tuy nhiên, hoạt động này còn đơn lẻ và yếu ớt vì không có sự liên kết của tập thể. Mặt khác, các đơn thư gửi đi thường không được trả lời hoặc trả lời bằng cách chuyển trách nhiệm cho một cơ quan khác. Một người dân cho biết: “*Chúng tôi đã gửi hàng tá đơn thư cho các cấp chính quyền rồi mà vẫn không nhận được câu trả lời xác đáng!*”. Họ còn cho tôi xem cả một chồng hóa đơn gửi bảo đảm đến các cơ quan nhà nước. Lúc này, xu thế chung là cần có một người đủ năng lực để dẫn dắt phong trào. Trong số cư dân trong Ngõ có một số cá nhân nổi trội

hơn cả, đó là phó bí thư chi bộ đường phố, tổ trưởng và tổ phó tổ dân phố. Đây là ba nhân vật được người dân trong ngõ tôn trọng và kính nể vì là cán bộ nghỉ hưu và lối sống hòa nhã với xóm giềng.

Trước tình cảnh việc giải tỏa đang tiến dần từ phố Khuất Duy Tiến sang phố Nguyễn Trãi, giữa tháng 5 năm 2006, Chi bộ Đảng của ba tổ dân phố trong ngõ đã tiến hành họp mặt và chủ trương bầu ra một Ban đại diện cho toàn bộ dân cư trong ngõ để tìm giải pháp cho tình huống bấp bênh. Được sự đồng ý của Đảng ủy, UBND phường, với sự có mặt của Mặt trận Tổ quốc phường, cuộc họp dân cư trong ba tổ dân phố đã được tiến hành và bầu ra 9 thành viên của Ban đại diện. Ngoài ba vị đã nêu trên, Ban đại diện còn có đại diện của Hội Cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Thanh niên. Các thành viên của Ban Đại diện đã nhất trí bầu ông Thắng - phó bí thư chi bộ - làm Trưởng ban để tiến hành giao dịch và trình bày khi làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Từ khi làm Trưởng Ban đại diện, ông Thắng đã nhiều lần phân tích tình hình để chuẩn bị cho hoạt động của phong trào. Ông cho biết rằng lúc đầu ông cũng không biết sẽ phải làm gì, nhưng mọi người tin tưởng nên ông vẫn cố nhận trách nhiệm này. Sau đó, ông đi mua nhiều sách văn bản pháp luật về nghiên cứu nhằm tìm ra lập luận có lợi cho bản thân và cư dân khu vực. Ông chia sẻ: *“Tôi mua một đống sách luật về đất đai để nghiên cứu mà chẳng rút ra được cái gì, chẳng có gì liên quan đến dự án này cả!”*.

Khi gần tới mức thất vọng, ông chợt nhớ đến những người bạn của mình. Trước khi về hưu, ông Thắng đã từng làm trưởng phòng hành chính của một doanh nghiệp

nhà nước. Nhờ vậy, ông có được một mạng lưới quan hệ tương đối rộng với các cán bộ trong cơ quan nhà nước. Trong lúc bí bách, ông đã tìm cách vận dụng các quan hệ này để tìm hiểu về Dự án ở khu vực của mình. Ông liên lạc với bạn bè còn đương chức, trình bày những khúc mắc và nhờ họ tư vấn cách giải quyết. Thật may mắn là ông đã liên lạc được với một người bạn đang làm ở cơ quan quản lý chung về dự án và đã xin được bản copy của *Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án xây dựng tuyến đường Mai Dịch - Pháp Vân* được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2001.

Nội dung trong bản phương án khả thi này đã làm cho ông đi từ ngạc nhiên đến sửng sờ vì sơ đồ ngã tư trong phương án được vẽ một cách cân đối. Điều này trái hẳn với những sơ đồ giải phóng mặt bằng với ngã tư quả trám lệch mà ông và những người dân trong khu vực được cấp. Sau giây phút sửng sờ, ông chợt bừng tỉnh: *“đây chính là lập luận mà mình cần tìm bấy lâu nay!”*. Ông lập tức họp mặt Ban đại diện để thông báo về kết quả này. Các thành viên trong Ban đều tỏ ra vui mừng trước phát hiện then chốt này.

Việc ông Thắng sử dụng các mối quan hệ xã hội của mình để tìm hiểu về Dự án chính là cách ông sử dụng vốn xã hội của bản thân mình. Như trên đã trình bày, mạng lưới xã hội có thể được coi là một dạng của vốn xã hội, ông Thắng trước đây là một cán bộ nhà nước nên có mạng lưới quan hệ với cán bộ ở các cơ quan khác. Nói một cách khác, ông Thắng đã nằm trong mạng lưới xã hội của những cán bộ nhà nước. Sự tin cậy trong các mối quan hệ này đã được thắt chặt và duy trì trong những năm ông còn công tác để khi ông nghỉ hưu thì vốn xã hội này trở

thành một tiềm năng chờ ngày được huy động. Như vậy, ông Thắng đã đầu tư để có khả năng tiếp cận các cán bộ này và nay là lúc ông hưởng lợi ích nhờ sự đầu tư đó. Và thực sự, vốn xã hội đã giúp ông tiếp cận được với cán bộ nhà nước liên quan trực tiếp đến dự án, và đủ độ tin cậy tới mức khiến họ cung cấp cho ông văn bản pháp lý cần thiết. Ở đây, mô hình ba giai đoạn vận hành của vốn xã hội do Nan Lin đề xuất có thể coi như vận hành một cách trơn tru. Việc đầu tư đã mang lại lợi ích cho ông tìm ra được điểm mấu chốt của vấn đề. Đó là việc cán bộ cấp dưới làm sai văn bản do cấp trên ban hành. Chính sự phát hiện này đã khiến hoạt động của Ban đại diện và cả *ngõ Thanh Xuân* trở nên sôi động, khắp khởi đầy hy vọng.

Với vai trò là Trưởng ban đại diện, ông Thắng đã lãnh đạo người dân trong khu vực tham gia vào một cuộc đấu tranh mà họ cho rằng đấu tranh vì lẽ phải. Nắm trong tay một bằng chứng về sự sai phạm của cán bộ thi hành dự án, nhiệm vụ của Ban đại diện giờ đây là tranh luận với các cơ quan thi hành Dự án để buộc họ phải tuân thủ đúng văn bản, sơ đồ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Từ khi có tấm bản đồ trong tay, dân cư trong khu vực cảm thấy hồ hởi hẳn lên. Họ tin rằng có bằng chứng thì ắt hẳn Dự án sẽ phải làm đúng như dự án được phê duyệt, và như vậy họ sẽ không bị di dời đi nơi khác.

Như vậy là sau khi mỗi cá nhân dùng các nguồn lực, khả năng của mình để kiến nghị đối với các cấp quản lý nhà nước mà không thành công, họ đã chia sẻ thông tin với nhau, cùng nhau hợp sức tìm ra lý lẽ hợp pháp để tiếp tục cuộc đấu tranh. Vốn xã hội của mỗi cá nhân đã được huy động triệt để trong trường hợp này để trở thành một nguồn sức mạnh hỗ trợ người dân.

3. Hợp sức đấu tranh

3.1. Con đường tìm đến pháp luật

Tuy đã tìm được bằng chứng về sự sai lệch của Dự án đang thực hiện so với Dự án được phê duyệt, nhưng người dân và Ban đại diện trở nên hoang mang vì chưa tìm được cách nào đưa những bằng chứng này ra công luận. Đang lâm vào thế bế tắc thì một sự kiện mới xảy ra và dẫn dắt phong trào đi theo một hướng mới. Khi Dự án vẫn đang được tiến hành, một số người dân đã tỏ vẻ lo lắng và bắt đầu tìm nơi khác để chuẩn bị cho tương lai của mình. Trên phố Khuất Duy Tiến có ngôi nhà của một sỹ quan công an mà tôi gọi tên là Hùng cũng nằm trong diện phải bị di dời. Tuy không nằm trong *ngõ Thanh Xuân* và cũng không bị ảnh hưởng bởi quy hoạch của *ngã tư lệch*, nhưng anh Hùng cùng với dân phố không đồng tình với số tiền đền bù do Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đưa ra. Họ cũng tìm cách đấu tranh nhằm nâng cao giá trị đền bù.

Cùng sinh sống trong một phường và cùng chịu sự tác động của một Dự án nên người dân của hai nhóm nhanh chóng chia sẻ thông tin với nhau. Được biết Ban đại diện của nhóm trong ngõ hoạt động rất tích cực, anh Hùng đã hỏi thăm và ngỏ ý muốn tham gia Ban đại diện. Vốn đang ở thế bế tắc, Ban đại diện đã đồng ý để anh Hùng tư vấn và tham gia vào hoạt động. Tuy không cùng hướng tới mục đích chung nhưng việc anh Hùng tham gia Ban đại diện sẽ giúp anh nắm bắt được tình hình Dự án và chuẩn bị cho phần dự án liên quan trực tiếp.

Từ khi có anh Hùng, hoạt động của Ban đại diện trở nên có phương hướng, chiến lược rõ rệt hơn. Anh Hùng có kinh nghiệm nghiệp vụ, lại là một sỹ quan đương

chức nên có một mạng lưới quan hệ xã hội khá rộng rãi và chặt chẽ. Mặt khác, trên cơ sở quan hệ của bản thân, anh đã gặp gỡ nhiều cán bộ dự án, cán bộ cấp thành phố, cấp quận để làm rõ những nghi ngờ trong quá trình nghiên cứu tình hình. Trên cơ sở những bằng chứng do Ban đại diện cung cấp, anh Hùng trao đổi, thảo luận thẳng thắn với các cán bộ này và được sự đồng tình của một số lãnh đạo cấp cao của Thành phố. Từ đây, phong trào đấu tranh đã chuyển sang một bước mới.

Vai trò người lãnh đạo của nhóm có sự thay đổi: Giờ đây anh Hùng là người đề xuất ra các đường lối, cách thức hoạt động chính cho phong trào, vai trò của ông Thắng dần mờ nhạt do vốn xã hội của ông đã kém hiệu quả. Có thể nhận xét rằng, tình hình mới dẫn đến nhu cầu lãnh đạo mới. Trước đây ông Thắng xuất hiện như một người cầm trịch để kết nối những cá nhân đơn lẻ và tạo những bước khởi đầu cho phong trào. Hơn nữa, chính ông Thắng đã dùng vốn xã hội của mình để tìm ra điểm sai phạm của các cán bộ dự án. Những kết quả đó đã tạo đà cho giai đoạn thứ hai khi anh Hùng tham gia vào cuộc đấu tranh này. Với tư cách vừa là một người dân liên quan đến dự án, vừa là một chiến sỹ công an, anh đã mạnh dạn đứng lên đấu tranh bảo vệ quyền lợi của chính bản thân và cư dân trong khu vực. Vai trò dẫn đầu càng được nâng cao khi anh không chỉ vạch ra đường hướng để tiến hành cuộc đấu tranh, mà còn chủ tọa phần lớn các cuộc họp sau đó, kích lệ tinh thần của nhân dân trong khu vực. Anh ta thực sự trở thành linh hồn của nhóm ở giai đoạn mới này.

3.2. *Góp sức cùng công luận “chống tham nhũng” - Một niềm vui chung*

Cuộc đấu tranh thực sự bước sang giai đoạn mới khi tân Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng được Quốc hội bầu vào tháng 6 năm 2006. Bài diễn văn nhậm chức của Thủ tướng nhấn mạnh đến việc đấu tranh chống tham nhũng ở các cấp: *“Thủ tướng Chính phủ và Chính phủ sẽ tập trung sức tiếp tục đẩy mạnh cải cách toàn diện nền hành chính quốc gia, xây dựng hệ thống hành chính trong sạch vững mạnh, sâu sát và gần bó với dân, hết lòng phục vụ nhân dân, kiên quyết kiên trì thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, xem đây là một trọng tâm công tác của Chính phủ trong thời gian tới”* (VietnamNet, 2006). Là một công an, anh Hùng nhạy cảm đối với những vấn đề chính trị. Anh nhanh chóng bắt được tín hiệu tốt lành này và biến diễn ngôn, biểu tượng chống tham nhũng của Nhà nước thành biểu tượng và mục đích của phong trào. Hơn nữa, anh hiểu rõ rằng theo Bộ Luật Hình sự Việt Nam, các tội phạm tham nhũng không chỉ là việc dùng quyền lực để tư lợi tiền bạc mà còn là việc lạm dụng quyền lực. Với tinh thần trên, người dân địa phương cảm thấy được trao quyền để hành động vì công lý. Khẩu hiệu chống tham nhũng trở thành phương châm cho họ và mang lại một ý nghĩa mới và tính hợp pháp cho phong trào. Cuộc đấu tranh của họ giờ đây không phải chỉ là đấu tranh cho quyền lợi của bản thân mà đã trở thành cuộc đấu tranh bảo vệ tính minh bạch và trong sáng của Chính phủ và công lý nhà nước.

Với vai trò là những người lãnh đạo phong trào, ông Thắng và anh Hùng đã trao đổi với nhau và tìm cách đưa vấn đề này ra

công luận. Bên cạnh việc tiếp tục gửi đơn thư lên các cơ quan nhà nước có liên quan, Ban đại diện sử dụng nhiều cách khác nhau để đưa tiếng nói ra công luận, và phương tiện thông tin đại chúng trở thành một lực lượng mạnh. Họ đến các cơ quan báo chí, trình bày về sai phạm của Dự án và đề nghị các phóng viên phản ánh vấn đề này. Có thể nhắc tới một số bài báo tiêu biểu như: “Nút giao thông Thanh Xuân: Có dấu hiệu “chạy” quy hoạch?” trên Báo Đầu tư (2006); “Lịch thiết kế hay lịch cả...” trên Báo điện tử của Đài truyền hình Việt Nam (Minh Đức, 2006); hay “Nút giao Thanh Xuân sẽ lệch to về phía Hà Nội” trên Báo điện tử VietNamNet (Tràng An Nguyễn, 2007). Chính anh Hùng cũng liên lạc với Đài truyền hình Việt Nam đề xuất yêu cầu thực hiện một chương trình truyền hình về vấn đề này. Nằm trong tay diễn ngôn chống tham nhũng của Nhà nước, anh nhanh chóng thuyết phục được những người làm chương trình tham gia vào chiến dịch chống tham nhũng do Thủ tướng Chính phủ khởi xướng. Cuối cùng, vào tháng 11 năm 2006, một chương trình truyền hình đầu tiên về vấn đề sai phạm của Dự án đường Vành đai 3 ở quận Thanh Xuân được truyền hình rộng rãi⁵.

Mỗi lần có những tờ báo mới hoặc chương trình truyền hình, người dân trong khu vực đều rất phấn khởi. Chị Hòa - người chủ của căn nhà dành làm “đại bản doanh” của Ban đại diện - thuật lại niềm vui sướng mỗi khi các phương tiện thông tin đại chúng đăng tải vấn đề này: “Chúng tôi rất vui mừng khi có một tờ báo hoặc một chương trình truyền hình đăng tải vấn đề tham nhũng đất đai ở địa bàn quận. Chúng

tôi mua nhiều tờ báo, photocopy thành nhiều bản và phân phát cho hàng xóm láng giềng và tất cả những ai quan tâm đến những sai phạm của Dự án và vấn đề tham nhũng”. Nhớ lại chương trình truyền hình đầu tiên được phát vào tháng 11 năm 2006, chị Hòa kể lại: “Lúc đó chúng tôi hết sức vui mừng vì đó là lần đầu tiên có một chương trình về vấn đề của chúng tôi được đăng lên công luận. Chúng tôi ghi băng lại và phát đi phát lại nhiều lần. Nhiều gia đình có loa to đã đặt tivi và loa ra ngõ rồi phát đi phát lại chương trình này trong nhiều ngày. Cả khu vực ngõ đã ở trong một tâm trạng vui sướng như ngày hội!”. Chính tôi cũng được chứng kiến không khí tương tự trong một buổi tối, khi một chương trình truyền hình khác⁶ có anh Hùng và các thành viên trong Ban đại diện tham gia. Ghi chép điền dã của tôi ghi lại: Cả ngõ dường như chìm trong yên ắng bởi lúc này mọi người đều đang ở trong nhà theo dõi chương trình truyền hình. Ngay sau khi chương trình kết thúc, tất cả người dân trong ngõ và khu vực lân cận đổ ra đường chúc mừng, cười nói và thảo luận về từng câu, từng chữ sáng suốt được lên tiếng trước công luận. Nỗi sợ hãi bị cưỡng chế di dời và hoàn cảnh cực kỳ khó khăn dường như đã bị niềm vui và hân hoan thay thế. Ngay khi Hùng đi tới đám đông, tất cả ào lên vỗ tay vui mừng như thể anh ta là thủ lĩnh tinh thần của họ.

Như vậy, sự gia nhập đúng lúc của anh Hùng - một sỹ quan trong lực lượng vũ trang - đã làm nóng lên tinh thần của cuộc đấu tranh. Những kinh nghiệm và hiểu biết của anh đã làm thay đổi hoạt động của cuộc đấu

⁵ Chương trình *Tiêu điểm* phát sóng tháng 11 năm 2006 trên kênh VTV1.

⁶ Chương trình *Tiêu điểm* phát sóng ngày 29 tháng 3 năm 2007 trên kênh VTV1.

tranh này. Một trong những điều kiện quan trọng khiến cho cuộc đấu tranh đưa ra những phương pháp mới chính là việc sử dụng diễn ngôn của Nhà nước về chống tham nhũng để phục vụ cho mục đích của nhóm. Viễn cảnh về một giai đoạn mới với việc đề cao chống tham nhũng trong bài diễn văn của tân Thủ tướng đã khiến anh Hùng nhận ra lỗi đi mới cho phong trào. Từ vấn đề bồi thường giải phóng mặt bằng mang tính cá nhân, hộ gia đình, nhưng với một tập thể cùng ý chí và những bằng chứng về sai phạm trong việc thực hiện Dự án đã được anh Hùng và Ban đại diện kết nối với diễn ngôn chống tham nhũng một cách nhuần nhuyễn. Những văn bản và sự việc của *ngõ Thanh Xuân* trở thành những ví dụ thuận lợi nhất, điển hình nhất cho các cơ quan báo chí và ngôn luận triển khai thêm phong trào vận động chống tham nhũng.

3.3. Nhà nước đồng tình, người dân hân hoan

Việc đưa vấn đề này ra công luận đã nhận được sự hưởng ứng của báo giới. Nhiều báo và kênh truyền hình đã đăng tải thông tin về sự sai lạc này do người dân phát hiện. Ông Thắng và nhiều người khác cho tôi biết “tới tháng 2 năm 2007, đã có cả thấy 12 đầu báo và 6 chương trình tivi và thời sự đề cập trực tiếp vấn đề này”. Trước một cường độ thông tin phản hồi cao như vậy, Bộ Giao thông vận tải và UBND Thành phố đã buộc phải xem xét và giải quyết. Hơn thế nữa, những nỗ lực của họ đã thu được kết quả bằng việc Chính phủ đã tiếp nhận thông tin về sự việc và Thủ tướng Chính phủ đã giao cho Thanh tra Chính phủ kiểm tra các hoạt động triển khai Dự án đường Vành đai 3.

Kết luận của Thanh tra Chính phủ số 2335/KLTr ngày 06 tháng 12 năm 2006: “*Công tác quản lý đất đai của cấp chính quyền cơ sở chưa tốt... dẫn đến việc xác định nguồn gốc đất để lên phương án đền bù, hỗ trợ gặp nhiều khó khăn và có những trường hợp lên phương án đền bù chưa chính xác. Đây là một nguyên nhân làm chậm tiến độ giải phóng mặt bằng*”; “*Việc thiết kế nút giao thông Thanh Xuân làm căn cứ GPMB, tuy theo đúng với chỉ giới đường đỏ, nhưng lại có hình dạng không cân đối, để dân khiếu kiện kéo dài, đến nay chưa GPMB được tại nút giao này*”.

Một trong những kiến nghị của Tổng thanh tra đối với Thủ tướng Chính phủ là: “*Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội cùng Bộ Giao thông vận tải sớm chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu, xác định chỉ giới đường đỏ, chỉ giới GPMB, phương án thiết kế tại nút giao thông Thanh Xuân hoàn chỉnh theo hướng cân đối và thông báo cho nhân dân biết. Quan tâm hơn nữa công tác giải quyết khiếu kiện của dân và khẩn trương lên phương án đền bù, GPMB để thi công xây dựng, tránh tiếp tục kéo dài làm tăng chi phí bất hợp lý của dự án*”.

Vậy là cuộc đấu tranh của người dân khu vực quận Thanh Xuân đến thời điểm đó đã mang lại kết quả như họ mong muốn. Những sai lệch trong khi triển khai Dự án đã được người dân chỉ ra để cơ quan nhà nước điều chỉnh lại việc thực hiện dự án. Tuy nhiên, đây mới chỉ là bước đầu, bởi còn phải chờ Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Kết luận của Thanh tra Chính phủ có tác dụng như một liều thuốc giải cứu cho

người dân đang trong hoàn cảnh khó khăn. Đối với người dân trong ngõ, họ đã tiến hành cuộc đấu tranh này từ năm 2002, và mọi người đều tỏ ra hết sức mệt mỏi. Tuy nhiên, Tết năm 2007 khác hẳn so với vài Tết trước. Có được văn bản kết luận của Thanh tra Chính phủ vào thời điểm trước Tết đã làm cho tinh thần của người dân lên rất cao. Ngày 27 Tết, nhiều nhà gói bánh chưng, lo trang trí nhà cửa, mua đào, mua quất. Trong không khí vui vẻ như vậy, mỗi lo âu về Dự án dường như tan biến. Chị Nga hồ hởi kể: *“Chưa tết nào vui như tết này, cùng nhau đấu tranh cho quyền lợi, hàng xóm láng giềng chúng tôi cảm thấy gần nhau hơn lúc nào hết. Có gì chia sẻ này. Dù sau này có di dời về đâu chẳng nữa thì những kỷ niệm về cuộc sống nơi ngõ này sẽ mãi mãi trong tâm trí tôi”*.

Và người dân ngõ Thanh Xuân đã đón một cái Tết có phần giàu ý nghĩa hơn so với nhiều người ở những nơi khác, một phần vẫn giấu giếm đi một nỗi lo trong lòng. Vào sáng mùng Một, ngày linh thiêng nhất, họ không chỉ chúc nhau những lời chúc tốt đẹp về sức khỏe mà còn *“chúc cho năm nay nhà cửa bình an”*. Lời chúc này vừa chất chứa một nỗi lo lắng thấp thỏm từ lâu nay, vừa phập phồng một niềm hy vọng dù mong manh nhưng cũng khiến họ lạc quan vui sống⁷.

4. Kết luận

Qua việc phân tích hoạt động của cư dân trong một khu phố và đặc biệt là của hai

người “lãnh đạo”, một phần cuộc đấu tranh của người dân ở quận Thanh Xuân đối với một dự án xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, chúng ta có thể thấy được vai trò quan trọng của hai người chủ chốt trong việc tập hợp và dẫn dắt một tập thể. Vừa là cán bộ nhà nước, vừa là đảng viên, họ cũng đồng thời đóng góp rất lớn cho cuộc đấu tranh nhằm chỉ ra những sai phạm của Dự án. Trong khi các đảng viên trong ngõ đã thiết lập được một tổ chức đại diện phù hợp với hệ thống chính trị để theo đuổi mục đích chung, việc tham gia tích cực của người chiến sỹ công an giúp mang vấn đề sai phạm ra công luận. Khái niệm *vốn xã hội* đã thực sự phát huy hiệu quả trong việc giải thích quá trình hình thành và vận động của nhóm.

Không những thế, nghiên cứu nhân học về hành động tập thể của một số người dân tại quận Thanh Xuân cho thấy khả năng tồn tại của hành động tập thể không những phụ thuộc vào một lợi ích chung và cách thức hành động, mà quan trọng hơn nó được xây dựng từ chính những biểu tượng chung của những bên liên quan. Khi tìm cách đưa những bằng chứng ra công luận, những người dẫn dắt phong trào bắt đầu tìm kiếm một nguồn lực khác để nói lên tiếng nói của chính mình và những người cùng hoàn cảnh. Kinh nghiệm chuyên môn đã giúp người công an nhận ra tầm quan trọng của diễn ngôn nhà nước. Anh đã sử dụng diễn ngôn chống tham nhũng để củng cố lý lẽ và làm tăng ý nghĩa biểu trưng cho cuộc đấu tranh của nhóm. Có thể nói, một biểu tượng mới trong diễn ngôn chính thống - chống tham nhũng - đã nhanh chóng được người dân thu nhận, dù

⁷ Vào thời điểm hoàn thành bài viết này, trên mạng VietNamNet đã có một bài báo đưa tin Chính phủ đã đồng ý với phương án cân đối nút giao thông Thanh Xuân (Chí Hiếu, 2008).

theo cách riêng của mình, với sự tiếp sức của các phương tiện truyền thông, bản thân chúng cũng nhằm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của mình, đã trở thành ngọn cờ biểu trưng cho cuộc đấu tranh, và hợp thức hoá về mặt pháp lý cho một phong trào tập thể vốn bắt nguồn từ một nhóm ngoại vi, chịu thiệt thòi trong quá trình phát triển đô thị.

Trong khuôn khổ bài viết này, tôi cũng muốn nhấn mạnh rằng quan hệ xã hội ở thành phố luôn tồn tại những mất xích tiềm tàng, khi hoàn cảnh rơi vào tình thế “có vấn đề”, những mất xích tiềm ẩn đó sẽ được kích thích trở thành một mạng lưới và phát huy sức mạnh hướng tới một mục tiêu chung.

Cuối cùng, về mặt phương pháp luận, tôi hy vọng bài viết từ một nghiên cứu đầu tay này góp phần cho thấy tầm quan trọng của nghiên cứu thực địa trong nhân học xã hội, nói một cách truyền thống hơn, chính là điền dã dân tộc học, ngay trong bối cảnh đô thị. Chỉ có bằng cách duy trì một quan hệ lâu dài mật thiết và cảm thông với người dân cộng đồng và bền bỉ quan sát tham dự, dần dần tiến tới cùng sẽ chia những trải nghiệm thăng trầm của chính những người được nghiên cứu, nhà nhân học xã hội mới có thể thu thập được những thông tin và quan niệm của người trong cuộc và góp phần cất lên tiếng nói của những nhóm ngoại vi hoặc chịu thiệt thòi trong quá trình phát triển. Hy vọng tôi không quá lời khi nói rằng điền dã dân tộc học có thể chính là đóng góp quan trọng nhất của nhân học đô thị trong việc tìm hiểu tác động của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, mà không một phương pháp nào có thể thay thế được.

Tài liệu tham khảo

1. Báo Đầu tư (2006), *Nút giao thông Thanh Xuân: Có dấu hiệu “chạy” quy hoạch?*, trên trang: <http://www.monre.gov.vn/monreNet/default.aspx?tabid=210&idmid=&ItemID=16798>, (truy cập ngày 06/5/2007).
2. Barker, Colin, Alan Johnson và Michael Lavalette (2001), “Leadership Matters: An Introduction”, trong: *Leadership and Social Movements*, Colin Barker, Alan Johnson và Michael Lavalette (eds.), Manchester University Press, Manchester và New York.
3. Coleman, James S. (1988), “Social Capital in the Creation of Human Capital”, *American Journal of Sociology*, Số Supplement: Organizations and Institutions: Sociological and Economic Approaches to the Analysis of Social Structure, tr. S95-S120.
4. Minh Đức (2006), *Lịch thiết kế hay lịch cả...*, trên trang: <http://www.vtv.vn/VN/TrangChu/TinTuc/TV1/TieuDiem/2006/9/21/39406/>, (truy cập ngày 06/5/2007).
5. Mạc Đường (2002), *Dân tộc học - Đô thị và Vấn đề Đô thị hóa*, Nxb Trẻ thành phố Hồ Chí Minh.
6. Fukuyama, Francis (2002), “Social Capital and Development the Coming Agenda”, *The Paul H. Nitze School of Advanced International Studies - SAIS*, Số 1, tr. 23-38.
7. Heng, Russell Hiang-Khng (2004), “Civil Society Effectiveness and the Vietnamese State - Despite or Because of

the Lack of Autonomy”, trong: *Civil Society in Southeast Asia*, Lee Hock Guan (eds.), Institute of Southeast Asian Studies, Singapore.

8. Chí Hiếu (2008), *Chính phủ đồng ý phương án nút giao Thanh Xuân!*, trên trang: <http://vietnamnet.vn/xahoi/2008/02/770140/>, (truy cập ngày 09/8/2008).

9. Nguyen Vu Hoang (2007), *Land, Livelihood and Security: Struggling for Justice in Urbanizing Vietnam*, Master's Thesis, Vrije Universiteit Amsterdam, Amsterdam.

10. Nguyễn Vũ Hoàng (2008), “Nhân học đô thị - Vài tiếp cận trong nghiên cứu ở phương Tây và Đông Nam Á”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 60-70.

11. Lin, Nan (1999), “Social Networks and Status Attainment”, *Annual Review of Sociology*, tr. 467-487.

12. McGee, Terry (1995), “The Urban Future of Vietnam”, *Third World Planning Review*, Số 3, tr. 253-277.

13. Tràng An Nguyễn (2007), *Nút giao Thanh Xuân sẽ lệch to về phía Hà Nội*, trên trang: <http://vietnamnet.vn/xahoi/dothi/2007/01/654651/>, (truy cập ngày 06/5/2007).

14. Polletta, Francesca và James M. Jasper (2001), “Collective Identity and Social Movements”, *Annual Review of Sociology*, tr. 283-305.

15. Portes, Alejandro (1998), “Social Capital: Its Origins and Applications in Modern Sociology”, *Annual Review of Sociology*, tr. 1-24.

16. Putnam, Robert D. (2001), “Social Capital: Measurement and Consequences”, *ISUMA*, Số 1, tr. 41-51.

17. Sandler, Todd (1992), *Collective Action - Theory and Applications*, New York, London v.v..., Harvester Wheatsheaf.

18. SRV, Thủ tướng Chính Phủ (2001a), *Quyết định 597/QĐ-TTg/2001 về việc đầu tư dự án xây dựng giai đoạn I đoạn Mai Dịch - Pháp Vân thuộc đường Vành đai III - TP HN*.

19. SRV, UBND quận Thanh Xuân (2001b), *Quyết định 728/QĐ-UB về việc thành lập Hội đồng giải phóng mặt bằng đền bù để giao đất cho Ban quản lý dự án Thăng Long thực hiện đầu tư xây dựng đường Vành đai III giai đoạn I đoạn Mai Dịch - Pháp Vân*.

20. Tarrow, Sidney (1988), “National Politics and Collective Action: Recent Theory and Research in Western Europe and the United States”, *Annual Review of Sociology*, tr. 421-440.

21. Văn Tiến và Nguyệt Minh (2006), *Ông Nguyễn Tấn Dũng đắc cử Thủ tướng Chính phủ*, trên trang: <http://www.vietnamnet.com.vn/chinhtri/doinoi/2006/06/585255/>, (truy cập ngày 12/2/2007).

22. Wirth, Louis (1975), “Urbanism as a Way of Life”, trong: *City Ways - A Selective Reader in Urban Anthology*, John Friedl và Noel J. Chrisman (eds.), Thomas Y. Crowell, New York.